

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TH  
TỈNH TH**

Án số: 46/2020/DSST

Ngày: 28/12/2020

*“V/v: Tranh chấp Quyền sử dụng đất”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TH TỈNH TH**

***Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Anh Thư

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Tuấn Hưởng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Nam Thái – Thư ký Toà án nhân dân tHnh phố TH tỉnh TH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố TH:* Bà Nguyễn Thị Thu Nhung – Kiểm sát viên

Trong các ngày từ ngày 25/12/2020 đến ngày 28/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân THnh phố TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 03 N2 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 N2 2020 giữa các đương sự:

**\* N đơn:** Ông Dương Anh S, sinh N2 1953 (Có mặt)

Cư trú: Tổ 11, phường Tân Lập, TP TH, tỉnh TH

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N đơn:** Luật sư Mai Anh Kiểm, Luật sư Nguyễn Đức Vinh – Văn phòng luật sư Đức Vinh- Đoàn luật sư tỉnh TH.(Có mặt)

**\* Bị đơn:** Bà Dương Thị N, sinh N2 1968( Có mặt)

Cư trú: Xóm Hòa Bắc, xã Thịnh Đức, TP TH, tỉnh TH

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Dương Thị H1, sinh N2 1956 ( Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 19, P. Trung THnh, TP TH, tỉnh TH

2. Bà Dương Thị H3, sinh N2 1958 ( Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 13, phường Tân Lập, TP TH, tỉnh TH

3. Bà Dương Thị H, sinh N2 1960 ( Có mặt)

Cư trú: Xóm Hợp THnh, xã Thịnh Đức, TP TH, tỉnh TH

4. Ông Dương Văn H, sinh N2 1962 (Có mặt)

Cư trú: Tổ 11 , phường Tân Lập, TP. TH, tỉnh TH

5. Ông Dương Mạnh G, sinh N2 1964 ( Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 11 , phường Tân Lập, TP. TH, tỉnh TH

6. Bà Dương Thị Thanh T, sinh N2 1966 ( Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 11, phường Trung THnh, TP TH, tỉnh TH

7. Bà Dương Thị N1, sinh N2 1970 ( Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 11, phường Tân Lập, TP. TH, tỉnh TH

8. Bà Dương Thị N, sinh N2 1973( Vắng mặt)

Cư trú: Tổ 06, phường Tân Lập, TP. TH, tỉnh TH  
*Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* bà H1, bà H3, ông G, bà T, bà N1 là ông Dương Văn H (*Theo giấy ủy quyền lập ngày 04/08/2020*) (Có mặt)  
Cư trú: Tổ 11, phường Tân Lập, TP TH, tỉnh TH  
9. Bà Đỗ Thị N2, sinh N2 1954 (vợ ông S) (Vắng mặt)  
Cư trú: Tổ 11, phường Tân Lập, TP TH, tỉnh TH  
*Người đại diện theo ủy quyền của bà N2:* Ông Dương Anh S (*Theo giấy ủy quyền lập ngày 04/8/2020*). (Có mặt).  
Cư trú: Cư trú: Tổ 11, phường Tân Lập, TP TH, tỉnh TH

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa N đơn, người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị N2 là ông Dương Anh S trình bày:*  
Bố mẹ ông là bà Đào Thị V( đã chết N2 2004) và ông Dương Văn C1(đã chết N2 2012) có diện tích đất nguồn gốc đất do bố mẹ ông khai phá. N2 1993 được UBND tHnh phố TH cấp giấy chứng nhận QSD đất có tổng diện tích là 6.932m<sup>2</sup> đất, trong đó có diện tích 3.120m<sup>2</sup> đất thổ cư thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 12, giấy chứng nhận QSD đất số B875933 mang tên ông Dương Văn C1. N2 2004, mẹ ông chết, ngày 18/02/2005 bố ông họp các con lại và lập biên bản họp gia đình chia đất cho các con sử dụng, gia đình ông có 10 anh chị em bao gồm: Dương Anh S, Dương Thị H1, Dương Thị H3, Dương Thị H, Dương Văn H, Dương Mạnh G, Dương Thị Thanh T, Dương Thị N, Dương Thị N1, Dương Thị N. Sau khi thống nhất họp gia đình và được sự nhất trí của 10 anh chị em trong gia đình thì thống nhất chia diện tích 3120m<sup>2</sup> đất thổ cư cho 06 chị em cụ thể như sau: Bà Dương Thị H3: 187m<sup>2</sup>; bà Dương Thị N: 199,8m<sup>2</sup>; bà Dương Thị H1: 206,3m<sup>2</sup>; bà Dương Thị H: 167,2m<sup>2</sup>; bà Dương Thị Thanh T: 450m<sup>2</sup>; bà Dương Thị N: 202,6m<sup>2</sup>; Trừ lối đi chung: 186m<sup>2</sup> (có biên bản họp gia đình và biên bản kiểm tra hiện trạng kèm theo). Hiện đối với các diện tích đất chia cho 06 chị em đã được tách ra khỏi giấy chứng nhận QSD đất của ông C1 và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho 06 chị em trên. Diện tích còn lại là 1521,1m<sup>2</sup> đất thổ cư là phần của ông là con cả được ông C1 chia cho tuy nhiên ông chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất trên sang tên cho ông mà vẫn nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của ông C1. N2 2012 bố ông mất, ông vẫn tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư 1521,1m<sup>2</sup> trên không có ai trong các anh chị em trong gia đình ông tranh chấp và có ý kiến gì, Hng N2 ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất theo quy định. N2 2019 ông làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông được chia theo hiện trạng đất ông đang sử dụng đối với 02 thửa 213 tờ bản đồ số 18 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 322 tờ bản đồ số 18 diện tích 372,7m<sup>2</sup> ( tương ứng thửa số 41 tờ bản đồ 299) sang tên cho ông quản lý, sử dụng. Ông đã chuyển toàn bộ hồ sơ xin chuyển quyền sử dụng đất từ tên ông Dương Văn C1 sang tên cho ông và xin cấp giấy chứng nhận

QSD đất ra Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tHnh phố TH theo quy định, sau khi tiếp nhận hồ sơ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tHnh phố TH có thông báo đến các anh chị em trong gia đình ông được biết, 08 người em của ông không ai có ý kiến gì, riêng bà Dương Thị N có đơn ngày 03/9/2019 đề nghị tạm dừng việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông với lý do chưa thống nhất được toàn bộ anh chị em trong gia đình, cho rằng ông không xứng đáng làm anh cả, gây mất đoàn kết, chia rẽ nội bộ anh chị em trong gia đình, ngăn cản các em đến hương khói cha mẹ ngày giỗ tết. Ngày 18/10/2019 Chi nhánh VP đăng ký đất đai tHnh phố TH có văn bản giải quyết và đã trả hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của ông, ngày 13/11/2019 tại UBND phường Tân Lập đã tiến Hnh hòa giải tranh chấp giữa ông và bà Dương Thị N nhưng không tHnh. Nay ông khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu xác nhận QSD đất cho ông đối với các thửa 213 tờ bản đồ 18 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa số 322 tờ bản đồ 18 diện tích 372,7m<sup>2</sup> là phần diện tích đất ông được nhận thừa kế từ bố ông Dương Văn C1. Đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông quản lý, sử dụng đối với diện tích đất trên.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là bà Dương Thị N trình bày:* Về nguồn gốc đất là của bố mẹ bà là Đào Thị V (đã chết N2 2004) và ông Dương Văn C1 (đã chết N2 2012) để lại. Bố mẹ bà có 10 người con. N2 2004 mẹ bà chết, N2 2005 bố bà là ông C1 có gọi 10 anh chị em họp gia đình để chia diện tích đất thổ cư 3120m<sup>2</sup> cho con sử dụng (anh H và anh G đã được ông C1 chia cho đất từ trước ngoài diện tích 3120m<sup>2</sup>), còn lại 6 chị em gái là Bà Dương Thị H3: 187m<sup>2</sup>; bà Dương Thị N: 199,8m<sup>2</sup>; bà Dương Thị H1: 206,3m<sup>2</sup>; bà Dương Thị H: 167,2m<sup>2</sup>; bà Dương Thị Thanh T: 450m<sup>2</sup>; bà Dương Thị N: 202,6m<sup>2</sup>, Trừ lối đi chung: 186m<sup>2</sup>. Diện tích còn lại chia cho anh cả là Dương Anh S. Sáu chị em bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất và sử dụng ổn định không có tranh chấp với các anh, diện tích đất ông S được chia chưa cấp giấy chứng nhận QSD đất mà vẫn nằm trong giấy chứng nhận QSD đất mang tên bố của bà là ông Dương Văn C1, ông C1 lúc còn sống vẫn ở và quản lý, sử dụng trên diện tích đất chia cho ông S. N2 2012, ông C1 chết, ông S thờ cúng bố mẹ và quản lý sử dụng diện tích đất trên, sau đó xảy ra mâu thuẫn giữa các anh chị em trong gia đình. N nhân xuất phát từ việc các thửa đất canh tác được cấp trong giấy chứng nhận QSD đất của bố bà ông C1 để lại được nH nước đền bù, trong đó có 01 thửa đất canh tác bố bà đã cho bà sử dụng và canh tác từ khi bà còn đi học. Tuy nhiên khi nhận tiền đền bù thì bà không được nhận số tiền đền bù trên, ông S là anh cả đã không đứng ra họp gia đình các anh chị em lại, tự ý cùng các anh chị em khác chia đều số tiền đền bù thửa ruộng của bà, bức xúc bà có đề nghị họp gia đình để giải quyết thì ông S kéo bè kéo phái chia rẽ nội bộ anh chị em trong gia đình, có

lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà, không cho bà đến để thắp hương thờ cúng bố mẹ. Bà xác nhận về việc ông C1 chia đất cho các con theo như biên bản họp gia đình ngày 18/02/2005 và theo biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất N2 2006 bà có chứng kiến và có ký vào biên bản, bà không có ý kiến gì, về phần diện tích đất thổ cư bà được bố chia cho bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, sử dụng ổn định không tranh chấp với ai. Về phần đất ông S được chia bà cũng không có tranh chấp gì, tuy nhiên bà không nhất trí cho ông S làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất từ tên bố bà ông C1 sang cho ông S với lý do ông S là anh cả, chịu trách nhiệm hương khói bố mẹ, khi được chia đất ông S được nhận một nửa diện tích đất 3120m<sup>2</sup>, các anh chị em trong gia đình đều nhất trí không ai có ý kiến phản đối, nhưng ông S lại không làm tròn trách nhiệm người anh cả, chia rẽ bè phái gây mất đoàn kết nội bộ trong gia đình. Bà đề nghị tạm dừng việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông S vì lý do ông S đã không tổ chức cuộc họp với các anh chị em trong gia đình, chưa thống nhất được tiền đền bù đất canh tác và ao của bố mẹ để lại khi NH nước thu hồi. Có Hnh vi, lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà, không cho bà vào NH để thắp hương bố mẹ tổ tiên. Vì những lý do trên bà không nhất trí để ông S được làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất sang cho ông, đề nghị sử dụng diện tích đất ông S được chia làm NH thờ tổ cho các anh chị em trong gia đình cùng nhau quản lý, sử dụng và tiện lợi cho việc hương khói, thờ cúng tổ tiên, ông bà.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H trình bày:* Bố mẹ ông là Dương văn C1 và Đào Thị V, sinh được 10 anh chị em, ông S là anh trai cả trong gia đình. Khi còn sống bố mẹ ông có diện tích đất khai phá và đã chia đều cho các con trong gia đình. Ông và ông Dương Mạnh G đã được bố mẹ chia đất và sử dụng ổn định, không tranh chấp gì. N2 2005, khi chia phần diện tích đất 3.120m<sup>2</sup> thổ cư cho các con còn lại là ông S, bà H3, bà H1, bà T, bà H, bà N, bà N, ông C1 đã gọi 10 người con lại và lập biên bản họp gia đình để phân chia đất cho các con có tên trên sử dụng. Các anh chị em trong gia đình đều thống nhất và nhất trí và ký tên vào biên bản họp gia đình không ai có thắc mắc gì về phần đất mình được chia. Chín anh chị em trong gia đình đã làm thủ tục chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất được chia, sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Riêng ông S là anh trai cả chưa làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất đối với diện tích đất ông S được chia. N2 2019 ông S có làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông S, ông hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì. Nay có việc tranh chấp giữa ông S và bà N, ý kiến của ông xác định ông không có tranh chấp gì đối với phần đất của ông S được chia, không có yêu cầu sử dụng đất của ông S để làm NH thờ tổ, đất

của ông S được chia thì ông S được quyền quản lý, sử dụng, nhất trí để ông S làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông S đối với diện tích ông S được hưởng. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền về đất đai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất 231 và thửa số 322 tờ bản đồ 18 cho ông S quản lý sử dụng.

*Ông Dương Văn H là người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị H1, bà Dương Thị H3, ông Dương Mạnh G, bà Dương Thị Thanh T, bà Dương Thị N1 trình bày:* Ông được ủy quyền của 05 anh chị em có tên như trên để tham gia tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa: Về quan điểm của bà H1, bà H3, ông G, bà T, bà N1 đều xác định nguồn gốc đất là của bố đẻ là ông Dương Văn C1 chia cho các con. Khi chia đất cho các con, ông C1 đã gọi các con và lập biên bản họp gia đình để phân chia đất cho các con sử dụng, các anh chị em trong gia đình đều thống nhất và nhất trí và ký tên vào biên bản họp gia đình không ai có thắc mắc gì về phần đất mình được chia. Chín anh chị em trong gia đình đã làm thủ tục chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất được chia, sử dụng ổn định không ai có thắc mắc tranh chấp gì, riêng ông S là anh cả trong gia đình chịu trách nhiệm thờ cúng bố mẹ khi mất, chưa làm thủ tục chuyển nhượng phần diện tích đất mà ông S được chia sang tên cho ông mà vẫn để trong giấy chứng nhận QSD đất mang tên bố đẻ Dương Văn C1. Khi ông S làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông, các anh chị em trong gia đình đều được biết và không ai có ý kiến gì, nhất trí để ông S được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất sang cho tên ông S. Nay có việc tranh chấp giữa ông S và bà N đối với sự việc trên, quan điểm của bà H1, bà H3, ông G, bà T, bà N1 đều xác định đất trên đã được chia cho ông S thì ông S có quyền được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông S, không có tranh chấp gì đối với thửa đất trên, không nhất trí với yêu cầu của bà N về việc sử dụng diện tích đất trên làm nh thờ tổ. Nhất trí để ông S làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông S đối với diện tích ông S được hưởng. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền về đất đai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất 231 và thửa số 322 tờ bản đồ 18 cho ông S quản lý sử dụng.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N trình bày:* Về nội dung nguồn gốc sử dụng đất như ông S trình bày như trên là đúng, phần diện tích đất của ông C1 bố bà để lại đã được chia cho 10 anh chị em bà. Bà là con út trong gia đình cũng được chia đất, sử dụng ổn định và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất nên bà không có ý kiến gì. Còn về phần diện tích đất hiện ông S đang quản lý, sử dụng là của phần ông S được chia bà cũng không tranh chấp gì. Tuy nhiên bà đề

ngợi ông S là anh cả trong gia đình là người trực tiếp thực hiện việc thờ cúng hương hỏa trong gia đình, mong muốn ông S đứng ra giải quyết hết các khúc mắc mâu thuẫn giữa các anh chị em trong gia đình được đoàn kết, hòa thuận, để các anh chị em được đi lại thờ cúng bố mẹ, tổ tiên. Ngoài ra bà không có ý kiến đề nghị gì thêm.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H:* Bà là một trong 10 anh chị em trong gia đình, bà xác định không tranh chấp với đất với ai, phần đất của bà được chia theo biên bản họp gia đình ngày 18/02/2005 bà vẫn đang quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho bà, bà sử dụng ổn định, không tranh chấp. Ông S là anh cả chịu trách nhiệm thờ cúng bố mẹ thì hưởng  $\frac{1}{2}$  phần diện tích đất còn lại trong diện tích đất 3.120m<sup>2</sup> sau khi đã chia cho 06 chị em bà. Còn sự việc xảy ra mâu thuẫn tranh chấp giữa ông S và bà N thì Ny từ đầu nếu ông S cư xử đúng mực trong gia đình thì không có vấn đề gì. Còn bà cũng chỉ có ý kiến như bà N là trích một phần đất để làm nh thờ tổ, để anh chị em trong gia đình cùng sử dụng và có nơi thờ cúng bố, mẹ. Còn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S thì bà không có ý kiến gì. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

*\* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho N đơn ông Dương Anh S:* Về nội dung vụ án như ông S trình bày như trên luật sư không bổ sung gì thêm. Về nguồn gốc đất tranh chấp là diện tích đất thổ cư 3.120m<sup>2</sup> của ông Dương Văn C1 chia cho 06 chị em gái và ông S theo biên bản họp gia đình N2 2005, biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất N2 2006. Các anh chị em trong gia đình đều nhất trí và ký vào biên bản không ai có ý kiến, 06 chị em gái đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất mình được chia và sử dụng ổn không ai có tranh chấp gì, riêng ông S chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông, nhưng ông vẫn quản lý, sử dụng diện tích đất trên. Nay ông S làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông quản lý, sử dụng thì bà N có đơn xin tạm dừng việc cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với ông S với lý do ông S không đủ tư cách để được nhận phần diện tích đất đã được chia, không tổ chức cuộc họp với các anh chị em trong gia đình, chưa thống nhất được tiền đền bù đất canh tác và ao của bố mẹ để lại khi nh nước thu hồi, có lời lẽ xúc phạm danh dự nhân phẩm bà N, tuy nhiên bà N cũng xác định bà không có tranh chấp gì về phần diện tích đất trên, phần diện tích bà được chia đang sử dụng ổn định không ý kiến gì. Xác định diện tích đất trên là của ông S được bố để bà ông C1 chia cho ông S, nhưng bà không đồng ý cho ông S được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất được chia, mà sẽ sử dụng làm nh thờ tổ cho các anh chị em trong gia đình cùng quản lý sử dụng.

Yêu cầu trên của bà N là không có căn cứ và không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị bà N chấm dứt Hnh vì làm đơn tạm dừng cản trở việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với ông S. Đề nghị công nhận QSD đất tại thửa số 213,322 tờ bản đồ số 18 cho ông S quản lý, sử dụng, đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất trên sang tên cho ông S quản lý, sử dụng hợp pháp theo quy định pháp luật.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong quá trình giải quyết vụ án, vụ án pH1 đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, N đơn giữ N yêu cầu khởi kiện đề nghị công nhận QSD đất hợp pháp đối với 02 thửa số 213, 322 tờ bản đồ số 18 tại tổ 11 phường Tân Lập, tHnh phố TH cho N đơn trực tiếp quản lý, sử dụng. Đề nghị Chi nhánh VP đăng ký đất đai tHnh phố TH là thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho N đơn đối với 02 thửa đất trên theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn bà N xác định phần diện tích ông S được chia thì ông S được quyền quản lý, sử dụng, bà không có yêu cầu chia diện tích đất của ông S, tuy nhiên bà chỉ nhất trí cho ông S được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất trên, nếu ông S tổ chức cuộc họp gia đình thống nhất giải quyết các khúc mắc, mâu thuẫn giữa các anh chị em trong gia đình. Các anh chị em được quyền tự do đến thấp hương, thờ cúng bố mẹ mà không bị ông S ngăn cản và có lời lẽ, Hnh động xúc phạm. Nếu ông S không làm được những việc như trên thì bà đề nghị để toàn bộ diện tích đất ông S được chia tổ cho tất cả các anh chị em trong gia đình quản lý, sử dụng để làm nH thờ tổ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H, ông H là người đại diện theo ủy quyền của ông G, bà H1, bà N1, bà T, bà H3 đề nghị công nhận QSD đất đối với 02 thửa 213,322 tờ bản đồ số 18 cho ông S trực tiếp quản lý, sử dụng, không nhất trí sử dụng diện tích 02 thửa đất trên là nH thờ tổ. Không có yêu cầu gì đối với phần đất ông S được chia. Đề nghị Chi nhánh VP đăng ký đất đai tHnh phố TH làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông S đối với 02 thửa đất trên theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H: Bà xác định chỉ do mâu thuẫn nội bộ anh chị em trong gia đình dẫn đến mất đoàn kết, bà không tranh chấp gì về phần đất ông S được chia, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

*Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho N đơn ông Dương Anh S trình bày quan điểm:* Do xuất phát từ mâu thuẫn nội bộ anh chị em trong gia đình nên dẫn đến việc tranh chấp giữa ông Dương Anh S và bà Dương Thị N. Khi ông S lần thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần diện tích đất ông S được chia, các anh chị em

trong gia đình không ai có ý kiến tranh chấp gì đối với diện tích đất chia cho ông S. Tuy nhiên, bà N đã có đơn đề nghị tạm dừng việc ông S làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất với lý do chưa tổ chức họp gia đình, có lời lẽ xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà, không cho bà đến thấp hương bố mẹ, chia rẽ bè phái anh em trong gia đình, đề nghị sử dụng phần diện tích đất trên là nH thờ tổ, khiến ông S không thực hiện được quyền về tài sản của mình. Lý do trên của bà N là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị bà N chấm dứt Hnh vi cản trở ông S thực hiện quyền về tài sản của mình, công nhận QSD đất đối với diện tích đất thuộc thửa 213 và 322 tờ bản đồ số 18 và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất trên cho ông S quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố TH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của N đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ : Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 147; 166; 175; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 189; 190; 194; 206; 234 Bộ luật dân sự; Điều 100, 166; 167; 170, 202, 203 Luật đất đai; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 N2 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn về việc yêu cầu công nhận QSD đất đối với thửa 213 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 322 diện tích 372,7m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 18 tại tổ 11, phường Tân Lập, TP TH cho ông Dương Anh S quản lý, sử dụng. Đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tHnh phố TH làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Dương Anh S theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Do ông S nhận nộp toàn bộ chi phí tố tụng, nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bị đơn pH1 chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố TH. Tại phiên tòa người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà Dương Thị N.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh S: Công nhận QSD đất đối với thửa 213 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 322 diện tích 372,7m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 18 tại tổ 11, phường Tân Lập, TP TH cho ông Dương Anh S quản lý, sử dụng. Đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tHnh phố TH làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Dương Anh S theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy:

[3]. *Về nguồn gốc đất*: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của N đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì xác định: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Dương Văn C1(đã chết N2 2012) và bà Đào Thị V( đã chết N2 2004) là bố mẹ đẻ của ông Dương Anh S và bà Dương Thị N, đất trên do ông bà C1, Vinh khai phá. N2 1993 được UBND tHnh phố TH cấp giấy chứng nhận QSD đất có tổng diện tích là 6.932m<sup>2</sup> đất, trong đó có diện tích 3.120m<sup>2</sup> đất thổ cư thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 12, còn lại là đất canh tác, giấy chứng nhận QSD đất số B875933 mang tên ông Dương Văn C1. N2 2004 bà Vinh chết, ngày 18/02/2005, ông C1 hợp các con lại và lập biên bản họp gia đình chia diện tích đất trên cho các con sử dụng. Ông C1 có 10 người con bao gồm: Dương Anh S, Dương Thị H1, Dương Thị H3, Dương Thị H, Dương Văn H, Dương Mạnh G, Dương Thị Thanh T, Dương Thị N, Dương Thị N1, Dương Thị N. Sau khi thống nhất họp gia đình và được sự nhất trí của 10 anh chị em trong gia đình thì thống nhất chia diện tích 3.120m<sup>2</sup> đất thổ cư cho 06 chị em cụ thể như sau: Bà Dương Thị H3: 187m<sup>2</sup> ; bà Dương Thị N: 199,8m<sup>2</sup>; bà Dương Thị H1: 206,3m<sup>2</sup>; bà Dương Thị H: 167,2m<sup>2</sup>; bà Dương Thị Thanh T: 450m<sup>2</sup>; bà Dương Thị N: 202,6m<sup>2</sup>; Trừ lối đi chung: 186m<sup>2</sup> (theo biên bản họp gia đình và biên bản kiểm tra hiện trạng có trong hồ sơ vụ án). Hiện đối với các diện tích đất chia cho 06 chị em đã được tách ra khỏi giấy chứng nhận QSD đất của ông C1 và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho 06 chị em trên theo quy định pháp luật. Diện tích còn lại là 1.521,1m<sup>2</sup> được ông C1 chia cho con trai cả là Dương Anh S (hai con trai thứ là H và G đã được ông C1 chia cho đất khác không nằm trong diện tích 3.120m<sup>2</sup> đất thổ cư trên). Riêng phần diện tích đất ông S được chia chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất trên sang tên cho ông S mà vẫn nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của ông C1. N2 2012 ông C1 chết, ông S tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư 1.521,1m<sup>2</sup> trên không có ai trong các anh chị em trong gia đình ông tranh chấp và có ý kiến gì, Hng N2 ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất theo quy định.

[4]. *Về diện tích đất tranh chấp* : Theo tài liệu xác minh do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tHnh phố TH cung cấp về hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất; Biên bản họp gia đình lập ngày 18/02/2005; Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất; biên bản làm việc lập tháng 7/2019 thể hiện: Thửa số 41 tờ bản đồ 299 số 12 theo giấy chứng nhận QSD đất được cấp với diện tích  $3.120\text{m}^2$  mang tên ông Dương Văn C1. N2 2006 căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, diện tích  $3.120\text{m}^2$  đất trên đã chuyển QSD đất cho 06 người con gái: bà H1, bà N1, bà T, bà H3, bà H, bà N tổng diện tích  $1.412.9\text{m}^2$  và trừ  $186\text{m}^2$  đất là lối đi chung, phần diện tích đất trên còn lại  $1.521,1\text{m}^2$  chia cho ông S quản lý, sử dụng, ông S chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất sang tên cho ông, vẫn nằm trong giấy CNQSD đất của ông Dương Văn C1. Sau khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần diện tích đất được chia, toàn bộ các anh chị em trong gia đình đều sử dụng ổn định, không ai có tranh chấp gì đối với phần diện tích đất còn lại và đều xác định diện tích  $1.521,1\text{m}^2$  được ông Dương Văn C1 chia cho ông Dương Văn S là đúng. N2 2012 ông C1 chết, ông S quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích trên không có ai có ý kiến gì.

[5]. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/11/2020, kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất có trong hồ sơ vụ án xác định: Đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 08/11/1993 mang tên ông Dương Văn C1 thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 12( bản đồ dải thửa 299), nay thuộc thửa số 213, và thửa 322 tờ bản đồ số 18(bản đồ địa chính 1995) . Vị trí thửa đất như sau:

+ Thửa số 213 tờ bản đồ số 18 diện tích  $890\text{m}^2$  . Vị trí thửa đất như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đường đi chung; Phía Đông giáp đất ông H; Phía Tây giáp đường bê tông.

Tài sản trên đất gồm: 01 nH xây tầng mái bê tông cốt thép, trên mái lợp tôn chống nóng nền lát gạch, xây N2 2012 diện tích  $52,7\text{m}^2$ ; 01 mái đua sân xây dựng 2012, diện tích  $194,05\text{m}^2$ ; 01 tường rào xây bao quanh đất xây N2 2012, gạch xi khối lượng  $15,086\text{m}^3$  (Theo sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo).

+ Thửa số 322, tờ bản đồ số 18 diện tích  $372,7\text{m}^2$  . Vị trí như sau: Phía Bắc giáp đường đi chung; Phía Nam giáp đất thuộc dự án khu dân cư 11A; Phía Đông giáp nH ông H; Phía Tây giáp đất thuộc dự án khu dân cư 11A. Trên đất không có tài sản gì. (Theo sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo).

Theo biên bản định giá tài sản ngày 25/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị tài sản diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất như sau:

- Về giá trị đất thửa 213 và thửa 322 tổng diện tích  $1262,7\text{m}^2 \times 1.806.250$  đồng/ $\text{m}^2 = 2.280.751.875$  đồng

- Tổng giá trị các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa 213 tờ bản đồ 18 là: 334.523.847 đồng

Tổng giá trị tài sản định giá: **2. 615.275.722 đồng**( Hai tỷ sáu trăm mười lăm triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng).

\* Về hiện trạng sử dụng đối với diện tích đất được chia thấy: Sau khi đo đạc và đối chiếu với các hồ sơ đất đai thể hiện: Thửa số 41, tờ bản đồ 12 diện tích  $3.120m^2$  (theo bản đồ 299) cấp cho ông Dương Văn C1, N2 2006 đã tách chia cho 06 hộ, trừ làm đường đi chung tổng  $1598,8m^2$ , diện tích còn lại  $1.521,1m^2$  chia cho ông S quản lý, sử dụng. N2 2019 ông S làm đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất trên, quá trình đo đạc và đối chiếu với các hồ sơ đất đai thì thấy hiện trạng diện tích ông Dương Anh S đang quản lý, sử dụng là  $1.452,7m^2$ , giảm  $68,4m^2$  so với diện tích còn lại trong giấy chứng nhận QSD đất được cấp. Ông S nhất trí với phần diện tích giảm trên, đề nghị trừ  $190m^2$  làm đường đi chung. Diện tích còn lại là  $1.267,7m^2$ , ông S đề nghị được chia làm 02 vị trí chỉnh lý thửa 213 diện tích  $890m^2$  và thửa số 322 diện tích  $372,7m^2$  ( có sơ đồ kèm theo), ông S đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất trên sang tên cho ông quản lý, sử dụng, đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tHnh phố TH tiếp nhận hồ sơ, tiến Hnh đo đạc và làm các thủ tục theo quy định pháp luật thì có đơn của bà Dương Thị N đề nghị tạm dừng việc cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất trên, nên hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất của ông S đã bị trả về với lý do như trên. Ông S làm đơn khởi kiện xác định 02 thửa đất trên được bố ông chia cho, đề nghị được công nhận QSD đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất 213 và 322 tờ bản đồ 18 cho ông quản lý, sử dụng.

[6]. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định: Xuất phát từ mâu thuẫn nội bộ anh chị em trong gia đình ông Dương Anh S và bà Dương Thị N, nên khi ông S làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất gửi Chi nhánh VP đăng ký đất đai tHnh phố TH thì bà Dương Thị N có đơn đề nghị tạm dừng việc cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất trên cho ông S, với lý do ông S chưa xứng đáng là người anh cả, không tổ chức họp gia đình anh chị em để giải quyết dứt điểm số ruộng canh tác đã được nH nước đền bù cho các anh chị em trong gia đình, ông S chia rẽ bè phái, làm mất đoàn kết nội bộ anh em, cản trở việc bà N đến thấp hương thờ cúng bố mẹ tổ tiên, có Hnh vi xúc phạm, bôi nhọ danh dự của bà, khiến cho bà bị chia rẽ bởi các anh chị em trong gia đình. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N xác định bà không có tranh chấp gì đối với diện tích đất trên, về diện tích đất mà được bố bà chia cho các anh chị em trong gia đình, chia cho bà thì bà sử dụng ổn định, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất bà không có ý kiến gì. Bà xác nhận phần diện tích đất còn lại sau khi đã chia cho 06 chị em bà trong giấy chứng nhận QSD đất của ông C1 là phần diện tích ông S được chia, bà không có yêu cầu gì về

việc chia diện tích đất của bố bà để lại cho ông S nhưng bà không nhất trí rút đơn đề nghị tạm dừng cấp giấy chứng nhận QSD đất, khi nào ông S tổ chức cuộc họp gia đình giải quyết xong được những mâu thuẫn thì bà mới đồng ý rút đơn, bà vẫn yêu cầu sử dụng phần diện tích ông S được chia thì ông S cứ quản lý nhưng chỉ để làm nhàn thờ tổ để các anh chị em trong gia đình cùng nhau sử dụng vào việc hương khói ông bà tổ tiên. Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử thấy: Về quyền sử dụng đất của ông Dương Anh S đối với 02 thửa đất 213 và 322 tờ bản đồ số 18 là hợp pháp và đã được thừa nhận không ai có tranh chấp gì. Việc đề nghị tạm dừng việc cấp giấy CNQSD đất của bà N đối với 02 thửa 213 và thửa 322 cho ông S với lý do nêu trên là không có căn cứ pháp lý và không được chấp nhận. Việc yêu cầu được sử dụng diện tích đất trên để làm nhàn thờ tổ của bà N, bà H là không có cơ sở chấp nhận do các anh chị em còn lại trong gia đình không nhất trí và không có yêu cầu. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Dương Anh S: Công nhận QSD đất đối với thửa 213 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 322 diện tích 372,7m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 18 tại tổ 11, phường Tân Lập, TP TH cho ông Dương Anh S quản lý, sử dụng. Đề nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tHnh phố TH làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Dương Anh S theo quy định pháp luật là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Bà Dương Thị N không được cản trở việc thực hiện quyền về tài sản của ông Dương Anh S đối với 02 thửa 213 và thửa 322 tờ bản đồ 18.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án N đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng về thẩm định, đo đạc, định giá tài sản số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa N đơn nhận nộp toàn bộ chi phí tố tụng về thẩm định, đo đạc và định giá tài sản, không yêu cầu bị đơn pH1 chịu, bị đơn không có ý kiến gì.

[6]. Về án phí do yêu cầu của N đơn được chấp nhận nên không pH1 chịu án phí DSST; Bị đơn pH1 chịu án phí DSST thẩm theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

\* Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 147; 166; 175; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 189; 190; 194; 206; 234 Bộ luật dân sự; Điều 100, 166; 167; 170, 202, 203 Luật đất đai; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 N2 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn ông Dương Anh S.

1.1. Công nhận QSD đất đối với thửa 213 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 322 diện tích 372,7m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 18 tại tổ 11, phường Tân Lập, TP TH cho ông Dương Anh S quản lý, sử dụng.

1.2. Đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tHnh phố TH làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu về nH ở và tài sản khác gắn liền trên đất đối với thửa 213 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 322 diện tích 372,7m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 18 tại tổ 11, phường Tân Lập, TP TH cho ông Dương Anh S theo quy định pháp luật.

1.3. Bà Dương Thị N không được cản trở việc thực hiện quyền về tài sản của ông Dương Anh S đối với thửa 213 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 322 diện tích 372,7m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 18 thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Dương Anh S.

4. Về án phí: Bị đơn ông Dương Anh S không pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại ông Dương Anh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002808 ngày 05/03/2020 của Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố TH. Bị đơn bà Dương Thị N pH1 chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nH nước.

*\*Về quyền kháng cáo:* N đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

*\*Về quyền yêu cầu thi Hnh án:* Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự, thì người được thi Hnh án dân sự và người pH1 thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TPTN;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chương    Nguyễn Thị Lý**

**Khúc Trọng Quang**